

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 38

00  
ÔN  
CỔ  
TÀ  
HÀ  
TƯ  
00  
K  
DI  
V  
DONG

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Duy Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên
Ông Đặng Xuân Tân	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Tú	Thành viên
Ông Mai Xuân Đức	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Xuân Tân	Tổng Giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Xuân Tân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 8 năm 2023





Số: 0235 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Lan Hương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>398.409.997.214</b>	<b>439.055.566.926</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>60.235.445.431</b>	<b>5.907.620.019</b>
1. Tiền	111		5.270.876.938	5.907.620.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.964.568.493	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>34.396.849.315</b>	<b>98.409.180.822</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.396.849.315	98.409.180.822
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>211.957.094.887</b>	<b>219.018.893.332</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	303.570.453.980	309.528.852.397
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.591.667.022	8.634.015.040
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	40.000.000.000	40.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	15.971.300.088	13.207.845.646
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(154.176.326.203)	(152.351.819.751)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>91.736.082.515</b>	<b>115.535.637.843</b>
1. Hàng tồn kho	141		95.097.465.713	119.934.963.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.361.383.198)	(4.399.325.163)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.525.066</b>	<b>184.234.910</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	84.525.066	184.234.910

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>385.142.826.939</b>	<b>385.588.413.880</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.360.027.579</b>	<b>63.277.565.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	61.559.256.056	61.203.440.033
- Nguyên giá	222		177.461.203.523	170.415.317.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.901.947.467)	(109.211.877.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.800.771.523	2.074.125.625
- Nguyên giá	228		3.985.469.184	3.985.469.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.184.697.661)	(1.911.343.559)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		2.374.201.599	2.374.201.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.281.317.344</b>	<b>1.274.072.403</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.281.317.344	1.274.072.403
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>232.671.648.079</b>	<b>237.915.298.115</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		58.073.103.006	58.073.103.006
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		179.842.195.109	179.842.195.109
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.243.650.036)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.829.833.937</b>	<b>3.121.477.704</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.829.833.937	3.121.477.704
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>783.552.824.153</b>	<b>824.643.980.806</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>301.711.799.908</b>	<b>282.024.785.201</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>300.709.799.908</b>	<b>281.532.785.201</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	90.716.930.597	105.965.219.138
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.795.703.933	23.962.472.821
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.273.676.755	4.161.689.401
4. Phải trả người lao động	314		2.771.092.639	8.644.454.672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.079.753.610	2.382.770.224
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.045.508.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	100.345.498.999	3.263.072.332
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	95.642.820.574	131.732.282.128
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		182.793.540	778.020.990
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		856.021.261	642.803.495
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.002.000.000</b>	<b>492.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.002.000.000	492.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>481.841.024.245</b>	<b>542.619.195.605</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>479.160.518.670</b>	<b>539.600.148.327</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		387.046.500.000	387.046.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		387.046.500.000	387.046.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.502.056.276	12.502.056.276
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.200.042.131	6.200.042.131
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.411.920.263	133.851.549.920
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		36.523.388.504	77.197.908.261
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		36.888.531.759	56.653.641.659
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.680.505.575</b>	<b>3.019.047.278</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		2.680.505.575	3.019.047.278
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>783.552.824.153</b>	<b>824.643.980.806</b>

  
Ngô Văn Hải  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Kế toán trưởng  
kiêm Giám đốc tài chính

  
Đặng Xuân Tân  
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	161.329.850.347	254.347.332.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	96.072.048	47.636.860
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>161.233.778.299</b>	<b>254.299.695.863</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	133.942.529.203	214.634.867.917
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>27.291.249.096</b>	<b>39.664.827.946</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	44.484.667.901	5.684.207.037
7. Chi phí tài chính	22	29	10.454.996.744	4.352.990.950
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.719.215.108	2.884.397.994
8. Chi phí bán hàng	25	30	5.755.361.422	10.243.184.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	17.933.405.701	22.146.801.801
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>37.632.153.130</b>	<b>8.606.057.280</b>
11. Thu nhập khác	31		4.295.425	-
12. Chi phí khác	32		423.177.963	5.101.683
13. <b>Lỗ khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(418.882.538)</b>	<b>(5.101.683)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>37.213.270.592</b>	<b>8.600.955.597</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	324.738.833	1.787.543.962
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>36.888.531.759</b>	<b>6.813.411.635</b>

  
Ngô Văn Hải  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Kế toán trưởng  
kiêm Giám đốc tài chính

  
Đặng Xuân Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>37.213.270.592</b>	<b>8.600.955.597</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.619.471.631	6.426.938.455
Các khoản dự phòng	03	5.434.987.073	5.483.437.657
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	54.556.762	(1.563.479)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.345.649.124)	(5.612.230.796)
Chi phí lãi vay	06	4.719.215.108	2.884.397.994
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.695.852.042</b>	<b>17.781.935.428</b>
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	6.831.232.137	(35.956.663.853)
Giảm hàng tồn kho	10	24.447.545.241	16.196.973.749
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39.715.456.493)	8.157.998.249
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(608.646.389)	920.639.214
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	27.730.109.700
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.812.231.722)	(2.981.943.141)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.911.885.322)	(227.690.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(347.908.000)	(658.542.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.421.498.506)</b>	<b>30.962.816.646</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.891.630.923)	(1.892.142.902)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.226.849.315)	(118.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	84.239.180.822	44.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.751.708.980	10.747.645.396
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>97.872.409.564</b>	<b>(65.144.497.506)</b>


*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.433.073.714	176.672.203.512
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(147.522.535.268)	(113.466.220.094)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.668.950)	(38.392.364.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.123.130.504)</b>	<b>24.813.618.918</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	54.327.780.554	(9.368.061.942)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.907.620.019	16.331.491.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	44.858	1.563.479
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>60.235.445.431</b>	<b>6.964.993.392</b>

  
Ngô Văn Hải  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Kế toán trưởng  
kiêm Giám đốc tài chính

  
Đặng Xuân Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 01 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 10 cấp vào ngày 03 tháng 10 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 387.046.500.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 26 tháng 12 năm 2016 với mã chứng khoán là HEM.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Điện lực GELEX. Công ty mẹ tối cao của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 224 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 260 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng



### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con trong một báo cáo khác. Người đọc cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính và hoạt động của toàn Công ty.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc và thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 06
Bản quyền, bằng sáng chế, chứng nhận tiêu chuẩn	06 - 07



### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 24 năm.

### **Thuê hoạt động**

Tất cả các khoản thuê tại Công ty được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí trả trước về công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### Ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm/kỳ báo cáo nhưng đến năm/kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm/kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	172.253.929	60.567.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.098.623.009	5.847.052.815
Các khoản tương đương tiền (i)	54.964.568.493	-
	<u><b>60.235.445.431</b></u>	<u><b>5.907.620.019</b></u>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 0,5%/năm đến 11,23%/năm.





Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Tình hình hoạt động của công ty con trong kỳ</b>		
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	Có lãi	Lỗ
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	Lỗ	Lỗ
<b>Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong kỳ</b>		
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Có lãi	Có lãi

Thông tin các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ được chi tiết tại Thuyết minh số 32.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	106.283.046.487
Công ty Cổ phần Công nghệ Dịch vụ điện tổng hợp GEST	66.376.842.517	86.826.433.992
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	26.897.207.279	27.830.448.181
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	15.759.439.543
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.095.503.040	14.095.503.040
Khác	74.158.415.114	58.733.981.154
	<b>303.570.453.980</b>	<b>309.528.852.397</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>181.639.855</b>	<b>494.064.579</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần viễn thông điện lực Hà Nội	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật	-	1.060.539.380
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	1.021.981.345
Khác	3.091.667.022	6.551.494.315
	<b>6.591.667.022</b>	<b>8.634.015.040</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>-</b>	<b>1.049.481.345</b>



8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Điện Lực Gelex (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Điện Lực Gelex (ii)	80.000.000.000	80.000.000.000
	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu về cho vay với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

- (i) Phản ánh số dư phải thu Công ty Cổ phần Điện lực Gelex - bên liên quan của Công ty theo Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 21 tháng 01 năm 2022 với số tiền là 40.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay 8,0%/năm. Khoản cho vay đáo hạn ngày 25 tháng 01 năm 2024. Lãi vay trả hàng quý. Gốc vay được trả một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.
- (ii) Phản ánh số dư phải thu Công ty Cổ phần Điện lực Gelex - bên liên quan của Công ty theo các hợp đồng cho vay:
- Hợp đồng cho vay ngày 08 tháng 8 năm 2022 với số tiền là 60.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay 8,0%/năm. Khoản cho vay đáo hạn ngày 8 tháng 8 năm 2025.
  - Hợp đồng cho vay ngày 20 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 20.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay 10%/năm. Khoản cho vay đáo hạn ngày 20 tháng 6 năm 2025.
- Các khoản cho vay sẽ được trả lãi vay trả hàng quý. Gốc vay được trả một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.848.616.250	5.117.509.644
Phải thu Xí nghiệp Tư nhân đức Hải Đăng	3.027.114.324	3.027.114.324
Tạm ứng cổ tức	2.656.355.000	2.656.355.000
Phải thu Công ty Quang Trung	1.012.033.125	1.012.033.125
Tạm ứng cán bộ nhân viên	988.291.232	726.430.965
Khác	1.438.890.157	668.402.588
	<b>15.971.300.088</b>	<b>13.207.845.646</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>4.958.904.113</b>	<b>2.082.191.782</b>

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	-	106.283.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.095.503.040	-
Xí nghiệp Tư nhân Đúc Hải Đăng	3.027.114.324	-	3.027.114.324	-
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	1.441.487.879	-	1.441.487.879	-
Khác	13.569.734.930	-	15.028.976.913	3.283.748.435
	<b>154.176.326.203</b>	<b>-</b>	<b>155.635.568.186</b>	<b>3.283.748.435</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.887.184.432	(186.957.918)	39.596.391.592	(630.573.186)
Công cụ, dụng cụ	316.587.470	-	333.911.425	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.910.001.087	-	26.918.758.109	-
Thành phẩm	34.320.828.738	(3.174.425.280)	34.368.839.385	(3.768.751.977)
Hàng hoá	4.662.863.986	-	18.717.062.495	-
	<b>95.097.465.713</b>	<b>(3.361.383.198)</b>	<b>119.934.963.006</b>	<b>(4.399.325.163)</b>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.037.941.965 VND (kỳ trước: 0 VND) do Công ty đã thanh lý một số mặt hàng được trích lập dự phòng giảm giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	84.525.066	184.234.910
	<b>84.525.066</b>	<b>184.234.910</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.384.292.730	1.333.028.132
Chi phí sửa chữa tài sản khác	2.445.541.207	1.788.449.572
	<b>3.829.833.937</b>	<b>3.121.477.704</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị và dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	70.986.654.280	79.070.332.118	18.149.691.545	2.208.639.675	170.415.317.618
Tăng mới trong kỳ	-	6.870.109.905	73.000.000	102.776.000	7.045.885.905
Số dư cuối kỳ	70.986.654.280	85.940.442.023	18.222.691.545	2.311.415.675	177.461.203.523
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	40.141.926.535	56.198.817.381	11.338.829.426	1.532.304.243	109.211.877.585
Khấu hao trong kỳ	2.120.353.770	3.844.025.099	613.021.980	112.669.033	6.690.069.882
Số dư cuối kỳ	42.262.280.305	60.042.842.480	11.951.851.406	1.644.973.276	115.901.947.467
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	30.844.727.745	22.871.514.737	6.810.862.119	676.335.432	61.203.440.033
Tại ngày cuối kỳ	28.724.373.975	25.897.599.543	6.270.840.139	666.442.399	61.559.256.056

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.634.560.391 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.564.286.458 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định là nhà máy, nhà xưởng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 11.381.997.085 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.791.101.025 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế, Chứng nhận tiêu chuẩn	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	2.219.940.000	1.765.529.184	3.985.469.184
Số dư cuối kỳ	2.219.940.000	1.765.529.184	3.985.469.184
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	1.596.875.482	314.468.077	1.911.343.559
Khấu hao trong kỳ	147.174.876	126.179.226	273.354.102
Số dư cuối kỳ	1.744.050.358	440.647.303	2.184.697.661
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	623.064.518	1.451.061.107	2.074.125.625
Tại ngày cuối kỳ	475.889.642	1.324.881.881	1.800.771.523

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.247.978.464 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.247.978.464 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Mua sắm tài sản	205.811.107	-
Cải tạo nhà xưởng	5.075.506.237	1.274.072.403
	<b>5.281.317.344</b>	<b>1.274.072.403</b>



16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	24.425.273.828	24.425.273.828	23.692.476.930	23.692.476.930
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Bơm EBARA Việt Nam	20.096.352.000	20.096.352.000	30.096.352.000	30.096.352.000
Khác	14.683.325.663	14.683.325.663	23.406.098.985	23.406.098.985
	31.511.979.106	31.511.979.106	28.770.291.223	28.770.291.223
	<b>90.716.930.597</b>	<b>90.716.930.597</b>	<b>105.965.219.138</b>	<b>105.965.219.138</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>53.681.390.683</b>	<b>53.681.390.683</b>	<b>71.182.336.341</b>	<b>71.182.336.341</b>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	767.859.607	19.637.257.627
Công ty Cổ phần Bơm và thiết bị Quang Phước	503.580.000	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	290.976.400	290.976.400
Công ty TNHH Động cơ Điện Việt Nam - Hungary	-	345.550.825
Khác	1.233.287.926	3.688.687.969
	<b>2.795.703.933</b>	<b>23.962.472.821</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>767.859.607</b>	<b>19.637.257.627</b>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.195.196.229	5.962.971.034	3.517.610.644	3.640.556.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.911.885.322	324.738.833	2.911.885.322	324.738.833
Thuế thu nhập cá nhân	54.607.850	533.403.226	524.574.793	63.436.283
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.031.082.048	3.786.137.028	244.945.020
Thuế tài nguyên	-	74.400	74.400	-
Các loại thuế khác	-	24.489.019	24.489.019	-
	<b>4.161.689.401</b>	<b>10.876.758.560</b>	<b>10.764.771.206</b>	<b>4.273.676.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	129.753.610	222.770.224
Chi phí phải trả khác	1.950.000.000	2.160.000.000
	<b>2.079.753.610</b>	<b>2.382.770.224</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	96.989.091.650	261.135.600
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án sản phẩm động cơ	2.041.203.100	2.041.203.100
Nhận ký cược, ký quỹ	506.300.000	747.300.000
Các khoản trích theo lương	596.306.200	90.540.000
Khác	212.598.049	122.893.632
	<b>100.345.498.999</b>	<b>3.263.072.332</b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ	1.002.000.000	492.000.000
	<b>1.002.000.000</b>	<b>492.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>74.470.777.500</b>	-



21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	131.732.282.128	131.732.282.128	111.433.073.714	147.522.535.268	95.642.820.574	95.642.820.574	95.642.820.574	95.642.820.574
Vay ngân hàng (i)	129.330.753.128	129.330.753.128	111.433.073.714	145.181.006.268	95.582.820.574	95.582.820.574	95.582.820.574	95.582.820.574
Vay Cán bộ nhân viên Công ty (ii)	2.401.529.000	2.401.529.000	-	2.341.529.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
	<b>131.732.282.128</b>	<b>131.732.282.128</b>	<b>111.433.073.714</b>	<b>147.522.535.268</b>	<b>95.642.820.574</b>	<b>95.642.820.574</b>	<b>95.642.820.574</b>	<b>95.642.820.574</b>

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay ngắn hạn của Công ty với thời gian vay tối đa không quá 12 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

STT	Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>(i) Vay ngân hàng</b>						
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	95.582.820.574	129.330.753.128	Kỳ hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 12 năm 2023.	8,3% - 9,0%	Đảm bảo bằng tài sản cố định là nhà máy, nhà xưởng. Như trình bày tại Thuyết minh số 13, giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 11.381.997.085VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.791.101.025 VND).
2	Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	17.702.307.924	37.367.581.947	Kỳ hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 12 năm 2023.	8,1% - 9,06%	Tín chấp
3	Ngân hàng TNHH CTBC Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	8.486.385.193	2.362.192.686	Kỳ hạn vay 180 ngày kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2023.	7% - 7,9%	Bảo lãnh Công ty bởi Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	7.487.683.406	15.261.878.495	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 03 tháng 9 năm 2023.	9,1%	Đảm bảo bằng quyền đòi nợ, hàng hóa hình thành từ phương án tài trợ
5	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.282.852.400	-	Kỳ hạn vay 180 ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ xuất trình. Lãi vay trả hàng tháng.	8,0%	Đảm bảo bằng khoản phải thu, quyền đòi nợ phát sinh từ các phương án tài trợ
<b>(ii) Vay Cán bộ nhân viên Công ty</b>						
1	Vay Cán bộ nhân viên Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội	60.000.000	2.401.529.000	Kỳ hạn 12 tháng, rút gốc linh hoạt.	6,50%	Tín chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>					
Số dư đầu năm trước	387.046.500.000	12.502.056.276	6.200.042.131	115.902.558.261	521.651.156.668
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	56.653.641.659	56.653.641.659
Chia cổ tức	-	-	-	(38.704.650.000)	(38.704.650.000)
Số dư cuối năm trước	387.046.500.000	12.502.056.276	6.200.042.131	133.851.549.920	539.600.148.327
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>					
Số dư đầu kỳ này	387.046.500.000	12.502.056.276	6.200.042.131	133.851.549.920	539.600.148.327
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	36.888.531.759	36.888.531.759
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(96.761.625.000)	(96.761.625.000)
Trích quỹ phúc lợi (ii)	-	-	-	(566.536.416)	(566.536.416)
Số dư cuối kỳ này	387.046.500.000	12.502.056.276	6.200.042.131	73.411.920.263	479.160.518.670

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 5 năm 2023, Công ty quyết định chia cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với tỷ lệ chi trả bằng 25% vốn điều lệ. Theo thông báo số 282/TB-HEM ngày 21 tháng 6 năm 2023, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền vào ngày 16 tháng 6 năm 2023.

(ii) Nghị quyết cũng đã thông qua việc trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với số tiền 566.536.416 VND.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.704.650	38.704.650
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.704.650	38.704.650
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.704.650	38.704.650
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.704.650	38.704.650

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 387.046.500.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	296.849.160.000	76,7%	296.849.160.000	76,7%
Các cổ đông khác	90.197.340.000	23,3%	90.197.340.000	23,3%
	<b>387.046.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>100%</b>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	6.730.826.282	6.724.047.452
Trên 1 năm đến 5 năm	26.941.745.750	25.886.796.988
Trên 5 năm	78.902.561.625	84.709.856.446
	<b>112.575.133.657</b>	<b>117.320.700.887</b>

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	2.242,87	3.605,17



**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại động cơ và máy móc thiết bị điện. Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh động cơ, máy móc thiết bị điện. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26.

**Báo cáo theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, không có báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam cần phải trình bày.

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	62.775.184.662	123.848.889.988
Doanh thu bán thành phẩm	55.943.877.946	84.958.623.806
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.610.787.739	45.539.818.929
	<b>161.329.850.347</b>	<b>254.347.332.723</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	96.072.048	47.636.860
	<b>96.072.048</b>	<b>47.636.860</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	<b>1.092.380.005</b>	<b>1.855.733.147</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	61.596.303.032	107.388.492.633
Giá vốn bán thành phẩm	49.159.326.550	73.838.437.512
Giá vốn dịch vụ cung cấp	24.224.841.586	33.407.937.772
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.037.941.965)	-
	<b>133.942.529.203</b>	<b>214.634.867.917</b>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.174.303.513	72.305.971.042
Chi phí nhân công	22.485.796.324	27.970.783.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.619.471.631	6.426.938.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.384.999.708	13.802.482.903
Chi phí khác bằng tiền	6.122.317.412	7.427.569.133
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.824.506.452	5.615.713.348
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.037.941.965)	-
(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành sản phẩm	(595.227.450)	(132.275.691)
	<b>84.978.225.625</b>	<b>133.417.182.261</b>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.225.000.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.120.649.124	5.433.587.164
Khác	139.018.777	250.619.873
	<b>44.484.667.901</b>	<b>5.684.207.037</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ với các bên liên quan</b>	<b>41.342.988.383</b>	<b>3.558.356.164</b>
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)		

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	5.243.650.036	-
Chi phí lãi vay	4.719.215.108	2.884.397.994
Chiết khấu thanh toán	289.087.144	1.275.506.008
Khác	203.044.456	193.086.948
	<b>10.454.996.744</b>	<b>4.352.990.950</b>



30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	3.470.294.019	5.500.667.508
Chi phí công cụ dụng cụ	586.243.436	1.065.636.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.435.974	90.022.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.266.288.297	2.761.337.551
Chi phí khác bằng tiền	981.327.146	957.796.458
(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành sản phẩm	(595.227.450)	(132.275.691)
	<b>5.755.361.422</b>	<b>10.243.184.952</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	9.702.909.338	10.889.312.782
Chi phí công cụ dụng cụ	408.807.889	828.384.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.311.908.790	1.300.076.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.441.840	1.510.513.352
Chi phí khác bằng tiền	2.831.831.392	2.002.800.846
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.824.506.452	5.615.713.348
	<b>17.933.405.701</b>	<b>22.146.801.801</b>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	324.738.833	1.787.543.962
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>324.738.833</b>	<b>1.787.543.962</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	37.213.270.592	8.600.955.597
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
- Cổ tức lợi nhuận được chia và thu nhập không chịu thuế khác	(36.225.000.000)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ này	(44.858)	(1.563.479)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	635.468.431	338.327.696
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.623.694.165</b>	<b>8.937.719.814</b>
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	1.623.694.165	8.937.719.814
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>324.738.833</b>	<b>1.787.543.962</b>

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong kỳ:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty sứ Viglacera Bình Dương	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	Công ty con
Công ty TNHH Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông công ty mẹ/ Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt



*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Điện Cơ Hà Nội	644.909.695	1.689.203.147
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	347.170.310	43.680.000
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	51.000.000	-
Công ty sử Viglacera Bình Dương	34.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	15.300.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	122.850.000
	<b>1.092.380.005</b>	<b>1.855.733.147</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	11.696.264.404	40.804.974.000
Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	8.280.610.666	12.541.808.094
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	6.567.737.242	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	5.064.243.715	13.418.145.514
Công ty TNHH Điện Cơ Hà Nội	288.500.000	616.050.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	357.771.100	161.747.280
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	666.178.998	-
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	50.000.000	-
	<b>32.971.306.125</b>	<b>67.542.724.888</b>
<b>Cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	10.000.000.000	40.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Thu hồi khoản cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	10.000.000.000	-
	<b>10.000.000.000</b>	-
<b>Lãi cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	4.980.821.921	1.376.438.357
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	2.181.917.807
	<b>4.980.821.921</b>	<b>3.558.356.164</b>
<b>Chiết khấu thanh toán từ nhà cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	137.166.462	-
	<b>137.166.462</b>	-
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	74.212.290.000	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	258.487.500	-
	<b>74.470.777.500</b>	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	36.225.000.000	-
	<b>36.225.000.000</b>	-
<b>Cổ tức đã nhận</b>		
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	36.225.000.000	-
	<b>36.225.000.000</b>	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Điện Cơ Hà Nội	-	258.817.124
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	164.809.855	164.809.855
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	16.830.000	70.437.600
	<b>181.639.855</b>	<b>494.064.579</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	1.021.981.345
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	-	27.500.000
	<b>-</b>	<b>1.049.481.345</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	40.000.000.000	40.000.000.000
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	80.000.000.000	80.000.000.000
	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	4.958.904.113	2.082.191.782
	<b>4.958.904.113</b>	<b>2.082.191.782</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	24.425.273.828	23.692.476.930
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	20.096.352.000	30.096.352.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	3.639.744.395	7.714.948.869
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	2.933.181.405	5.156.298.252
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.495.247.673	4.300.690.526
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	20.459.175	221.569.764
Công ty TNHH Điện Cơ Hà Nội	71.132.207	-
	<b>53.681.390.683</b>	<b>71.182.336.341</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	767.859.607	19.637.257.627
	<b>767.859.607</b>	<b>19.637.257.627</b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	74.212.290.000	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	258.487.500	-
	<b>74.470.777.500</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ:</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.090.653.800	1.179.854.100
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	2.614.500.500	2.595.000.518
	<b>3.705.154.300</b>	<b>3.774.854.618</b>



Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 cụ thể như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.090.653.800</b>	<b>1.179.854.100</b>
<b>Thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>		
Đỗ Duy Hưng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	90.000.000	90.000.000
Đặng Xuân Tân Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Phạm Tuấn Tú Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Trọng Trung Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Mai Xuân Đức Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	-
Bùi Quang Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022)	-	50.000.000
<b>Lương và thu nhập khác</b>		
Đỗ Duy Hưng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	105.000.000	7.000.000
Phạm Tuấn Tú Thành viên Hội đồng Quản trị	447.153.800	420.376.800
Nguyễn Trọng Trung Thành viên Hội đồng Quản trị	-	7.000.000
Mai Xuân Đức Thành viên Hội đồng Quản trị	208.500.000	-
Bùi Quang Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022)	-	425.477.300
<b>Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác</b>	<b>2.614.500.500</b>	<b>2.595.000.518</b>
Đặng Xuân Tân Tổng giám đốc	621.553.800	414.076.800
Phạm Tuấn Anh Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022)	-	74.626.527
<b>Các thành viên quản lý khác</b>		
Nguyễn Thị Hồng Oanh Giám đốc tài chính	466.631.600	221.882.191
Hà Tiến Lực Phó Tổng Giám đốc	494.536.600	427.242.900
Nguyễn Xuân Quỳnh Phó Tổng Giám đốc	498.234.200	-
Nguyễn Đăng Tuấn Phó Tổng Giám đốc	477.544.300	231.183.100
Nguyễn Thị Thanh Yến Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2022)	-	469.999.300
Nguyễn Nam Sơn Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)	-	236.892.900
Nguyễn Kỳ Nam Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2022)	-	425.096.800
Bùi Thị Trang Trưởng Ban kiểm soát	7.000.000	-
Nguyễn Thị Nga Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2022)	-	25.000.000
Chu Văn Phước Thành viên Ban kiểm soát	31.000.000	9.000.000
Nguyễn Tú Anh Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000	-
Mai Thị Tố Loan Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2023)	-	18.000.000
Nguyễn Thị Vân Anh Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2022)	14.000.000	10.000.000
Cao Thị Xiêm Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2022)	-	16.000.000
Phạm Thị Minh Cúc Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2022)	-	16.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.705.154.300</b>	<b>3.774.854.618</b>

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho Cổ đông với số tiền 95.917.154.750 VND.



---

Ngô Văn Hải  
Người lập biểu



---

Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Kế toán trưởng  
kiêm Giám đốc tài chính



---

Đặng Xuân Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023